

Số: 154/QĐ-DVKT-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát  
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

### BAN KIỂM SOÁT TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết cuộc Họp Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam số 134/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2021;

Căn cứ Biên bản họp Ban Kiểm soát Tổng công ty số 514/BB-DVKT-BKS ngày 13/05/2021;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam như kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Kiểm soát viên và tổ chức, cá nhân có liên quan của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- HĐQT, TGD;
- Website : [www.ptsc.com.vn](http://www.ptsc.com.vn);
- Lưu: VT, BTK.

TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN

  
  
Bùi Thu Hà

## MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG .....	2
Điều 1. Mục đích .....	2
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ .....	2
Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát .....	3
CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN.....	4
Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên .....	4
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên .....	4
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên .....	5
Điều 8. Trưởng Ban Kiểm soát .....	5
Điều 9. Nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát .....	5
Chương III: BAN KIỂM SOÁT .....	6
Điều 10. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát .....	6
Điều 11. Các quyền khác của Ban Kiểm soát .....	8
Chương IV: CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT .....	9
Điều 12. Chế độ làm việc của Ban Kiểm soát.....	9
Điều 13. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát .....	9
CHƯƠNG V: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT .....	11
Điều 14. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên .....	11
Điều 15. Mối quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước .....	11
Điều 16. Mối quan hệ với cổ đông .....	11
Điều 17. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị .....	11
Điều 18. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc .....	12
Điều 19. Mối quan hệ với người đại diện của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên/ trực thuộc.....	12
Điều 20. Mối quan hệ với Kiểm soát viên tại các Đơn vị thành viên, Công ty liên doanh/ liên kết .....	12
Điều 21. Mối quan hệ với Bộ phận Kiểm toán nội bộ .....	12
CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	13
Điều 22. Điều khoản thi hành.....	13

0018  
G CỘ  
Ở PH.  
VỤ KÝ  
AU K  
ỆT N

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 154/QĐ-DVKT-BKS ngày 14/05/2021)*

Các căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 134/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2021;
- Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;
- Quy chế Quản trị nội bộ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;

**CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục đích**

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Quy chế”) được xây dựng, ban hành nhằm cụ thể, chi tiết các quy định về thực thi nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Tổng công ty, các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty và theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm, chế độ làm việc và các mối quan hệ công tác của Ban Kiểm soát và Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho Ban Kiểm soát và các Kiểm soát viên đối với mọi hoạt động thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát trong Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ được giải thích như sau:

Luật Doanh nghiệp : Là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

05  
3 TY  
N  
THUA  
II  
BA  
CHI

- Đại hội đồng cổ đông** : Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
- Điều lệ/Điều lệ Tổng công ty** : Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam được ban hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Tổng công ty** : Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.
- Cổ đông lớn** : Là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty.
- Hội đồng quản trị** : Hội đồng quản trị Tổng công ty.
- Tổng Giám đốc** : Tổng Giám đốc Tổng công ty.
- Ban Kiểm soát** : Là Ban Kiểm soát Tổng công ty - cơ quan chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc quản lý và điều hành Tổng công ty, gồm các Kiểm soát viên được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông.
- Kiểm soát viên** : Là những người có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, được Đại hội đồng cổ đông bầu vào Ban Kiểm soát.
- Người quản lý Tổng công ty** : Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.
- Đơn vị trực thuộc** : Các đơn vị hạch toán phụ thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.
- Đơn vị thành viên** : Là công ty TNHH, công ty cổ phần do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, có cổ phần, vốn góp chi phối hoặc giữ quyền chi phối.

#### **Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật liên quan, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định tại Quy chế này.
2. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

## CHƯƠNG II: KIỂM SOÁT VIÊN

### Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty và cổ đông.
3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Thực hiện chương trình kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý của Tổng công ty thông qua những tài liệu, hồ sơ được gửi đến Kiểm soát viên theo nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 10 của Quy chế này. Thảo luận, góp ý, biểu quyết các vấn đề có liên quan đến các ý kiến của Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý Tổng công ty.
6. Mỗi Kiểm soát viên được phân công chuyên trách theo dõi giám sát một số đơn vị/ lĩnh vực. Kiểm soát viên có trách nhiệm báo cáo tình hình, kết quả kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực được phân công cho Trưởng Ban Kiểm soát; tham mưu cho Trưởng Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát đơn vị/lĩnh vực được phân công.
7. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp của Tổng công ty và các đơn vị theo phân công của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc khi xét thấy cần thiết.
8. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên khác vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
9. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 5.1, 5.2, 5.3 và 5.4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.
10. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

### Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên

1. Ban Kiểm soát có ba (03) Kiểm soát viên. Ban Kiểm soát phải có ít nhất hai phần ba (2/3) Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

3. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế Quản trị nội bộ Tổng công ty.

4. Người được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên có trách nhiệm tiếp nhận việc bàn giao và đảm nhiệm ngay công việc theo chức danh được bầu. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho các thành viên đương nhiệm của Ban Kiểm soát trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm, đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với công việc của mình trong thời gian đã đảm nhiệm chức danh đó.

#### **Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Các Kiểm soát viên không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước khi được bầu vào Ban Kiểm soát.

#### **Điều 8. Trưởng Ban Kiểm soát**

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này quy định.

3. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và làm việc theo chế độ chuyên trách, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

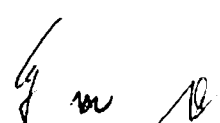
#### **Điều 9. Nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát**

1. Điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát.

2. Tổ chức xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản, báo cáo, tài liệu, hồ sơ liên quan đến nhiệm vụ chung của Ban Kiểm soát.

100  
IG C  
Ổ F  
VU I  
ĐẤU  
IẾT



4. Tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch kiểm tra, giám sát theo định kỳ hàng quý, hàng năm sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Chịu trách nhiệm đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên; triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát.
6. Ủy quyền cho Kiểm soát viên đảm nhiệm công việc của Trưởng Ban Kiểm soát trong thời gian vắng mặt.
7. Thay mặt Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến Báo cáo của Ban Kiểm soát.
8. Thay mặt Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị tổ chức phiên họp bất thường để xử lý những trường hợp vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
9. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty.
10. Điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
11. Chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trong báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của Ban Kiểm soát được gửi đến Đại hội đồng cổ đông.
12. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

### **Chương III: BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 10. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát**

1. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.
2. Kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.

505  
NG T  
IÁN  
TH  
CHÍ  
IAM  
50

4  
nu  
16

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông lớn.
6. Khi có yêu cầu của của Cổ đông lớn, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông lớn có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, họp giao ban và các cuộc họp khác của Tổng công ty.
9. Sử dụng tư vấn độc lập, Bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
10. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
11. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
12. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết.
13. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Tổng công ty. Việc quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty và việc bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết áp dụng theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.
14. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật, việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.



17. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát phù hợp Luật Doanh nghiệp, Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty, các quy định pháp luật liên quan và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua để triển khai thực hiện.

18. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

19. Lập và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và báo cáo các nội dung khác theo các quy định của pháp luật.

20. Thông báo cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát tại Tổng công ty và các Đơn vị thành viên/ trực thuộc.

21. Công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 11. Các quyền khác của Ban Kiểm soát**

1. Được Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc cung cấp thông tin một cách đầy đủ, kịp thời theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

2. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Ban Kiểm soát được cung cấp các tài liệu liên quan như đối với thành viên Hội đồng quản trị tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền phát biểu ý kiến, kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu Ban Kiểm soát có ý kiến khác với những quyết nghị của Hội đồng quản trị, được quyền bảo lưu ý kiến của mình vào biên bản cuộc họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

4. Yêu cầu Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của Tổng công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty.

5. Xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và có lợi ích liên quan được kê khai theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

6. Ban Kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập với chi phí hợp lý theo ngân sách hoạt động hàng năm đã được phê duyệt để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

7. Trong trường hợp cần thiết, Trưởng Ban Kiểm soát đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc quyết định việc huy động các chuyên viên, cán bộ quản lý trong Tổng công ty thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát.

8. Được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát, được quyền yêu cầu người đại diện của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên/ trực thuộc, cung cấp số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và có trách nhiệm bảo mật các số liệu tài liệu, thông tin được cung cấp. Đối với các vụ việc phải liên hệ với các tổ chức, cá nhân ngoài Tổng công ty để phục vụ cho

công tác kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát thảo luận với Hội đồng quản trị trước khi thực hiện.

9. Tham dự các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết của Tổng công ty, các Đơn vị thành viên/ trực thuộc.

10. Tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, nâng cao kiến thức nghề nghiệp theo đề nghị của Ban Kiểm soát. Tổng Giám đốc Tổng công ty thông báo cho Ban Kiểm soát biết kế hoạch tổ chức các nội dung nói trên.

11. Ban Kiểm soát có quyền cử người tham gia các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ do Tổng công ty tổ chức thực hiện ở Tổng công ty và các Đơn vị thành viên/ trực thuộc của Tổng công ty.

12. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan.

13. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Chương IV: CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

##### **Điều 12. Chế độ làm việc của Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo chế độ trách nhiệm cá nhân, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của Ban Kiểm soát. Các Kiểm soát viên chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

2. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát. Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Kiểm soát. Trường hợp vắng mặt, Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền cho một Kiểm soát viên thay mặt chủ trì, giải quyết các công việc của Ban Kiểm soát.

##### **Điều 13. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát**

1. Cuộc họp thường kỳ: Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi năm hai (02) lần.

2. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất hai phần ba (2/3) số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- + Trưởng ban Kiểm soát hoặc ít nhất hai phần ba (2/3) số lượng Kiểm soát viên;

g m H

+ Tổng Giám đốc.

3. Cuộc họp được gọi là họp lệ khi số lượng Kiểm soát viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số lượng Kiểm soát viên trong Ban Kiểm soát.

4. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp. Sau hai (02) lần đề nghị liên tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên phải tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời đề xuất miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu một Kiểm soát viên đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 7 và Điều 8 Quy chế này làm Trưởng Ban Kiểm soát.

5. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau năm (05) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các Kiểm soát viên. Trưởng họp khẩn cấp khi xét thấy cần thiết, thông báo mời họp có thể gửi trước một (01) ngày đến các Kiểm soát viên.

6. Biểu quyết:

- + Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp. Nếu Kiểm soát viên không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền bằng văn bản biểu quyết cho một Kiểm soát viên khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết theo quy định tại Điều này) thực hiện biểu quyết.
- + Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng là ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).
- + Việc lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định có giá trị tương đương với việc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

7. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự các cuộc họp và trả lời các vấn đề được làm rõ.

8. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát phải được đưa ra lấy ý kiến tập thể trong Ban Kiểm soát theo nguyên tắc biểu quyết quy định tại Khoản 13.6 Điều này. Mỗi Kiểm soát viên có quyền bảo lưu ý kiến trong báo cáo của Ban Kiểm soát.

9. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lập thành Biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát phải được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các Biên bản họp. Các Biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

## CHƯƠNG V: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

### Điều 14. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên

Các Kiểm soát viên có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

### Điều 15. Mối quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước

Ban Kiểm soát tổ chức và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến công việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật hiện hành.

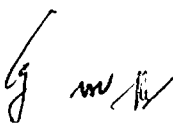
### Điều 16. Mối quan hệ với cổ đông

1. Ban Kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật.
2. Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra theo yêu cầu của Cổ đông lớn như quy định tại Điều 10.6 của Quy chế này.

### Điều 17. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tổng Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong các phiên họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thư ký Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Ban Kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị kết quả kiểm tra, giám sát nội bộ định kỳ hàng quý hoặc đột xuất.
4. Khi nhận được kết quả kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban Kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Hội đồng quản trị.
5. Các báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty chuẩn bị trình lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác.
6. Ban Kiểm soát thông báo cho Hội đồng quản trị và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong Báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi gửi lên Đại hội đồng cổ đông.

57  
NG  
IA  
Y T  
CH  
IA  
E



## **Điều 18. Mọi quan hệ với Tổng Giám đốc**

1. Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Tổng Giám đốc Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc.
2. Các báo cáo, thông báo mời họp, văn bản khác mà Tổng Giám đốc gửi tới Hội đồng quản trị phải đồng thời gửi cho Ban Kiểm soát.
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và các phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát theo đề nghị của Ban Kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện những kiến nghị của Ban Kiểm soát hoặc báo cáo với Hội đồng quản trị những điểm không thống nhất với các kiến nghị của Ban Kiểm soát và thông báo cho Ban Kiểm soát về việc này.
5. Tổng Giám đốc thông báo kịp thời cho Ban Kiểm soát khi phát hiện thấy những yếu kém, tồn tại, các sai phạm, rủi ro, thất thoát lớn về tài sản hoặc khi có những thay đổi trong hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại Tổng công ty.

## **Điều 19. Mọi quan hệ với người đại diện của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên/ trực thuộc**

1. Người đại diện của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên/ trực thuộc phải cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.
2. Ban Kiểm soát có trách nhiệm bảo mật số liệu, tài liệu theo quy định pháp luật.

## **Điều 20. Mọi quan hệ với Kiểm soát viên tại các Đơn vị thành viên, Công ty liên doanh/ liên kết**

1. Ban Kiểm soát Tổng công ty phối hợp với Người đại diện Tổng công ty giữ chức vụ Kiểm soát viên tại các Đơn vị thành viên trong công tác chuyên môn để thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trong các cuộc kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất.
2. Người đại diện Tổng công ty giữ chức vụ Kiểm soát viên tại các đơn vị thành viên, Kiểm soát viên do Tổng công ty đề cử tại các Công ty liên doanh/liên kết thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế người đại diện (nếu có), ... và phải tuân thủ chế độ gửi báo cáo định kỳ về Tổng công ty và đồng thời gửi về Ban Kiểm soát Tổng công ty.

## **Điều 21. Mọi Quan hệ với Bộ phận Kiểm toán nội bộ**

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty tham khảo ý kiến Ban Kiểm soát trong việc lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm.
2. Các báo cáo của Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty gửi Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị Tổng công ty sẽ phải được cung cấp đồng thời cho Ban Kiểm soát.
3. Việc phối hợp với Bộ phận Kiểm toán nội bộ theo các quy định nội bộ về Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty.

## CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 22. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này bao gồm 6 chương, 22 điều, do Trường Ban Kiểm soát thay mặt Ban Kiểm soát ban hành theo chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 134/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2021. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người đại diện của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên/ trực thuộc có liên quan có trách nhiệm thực hiện.
2. Quy chế này thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát ban hành theo Quyết định số 300/QĐ-DVKT-BKS ngày 18/04/2013.
3. Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Quy chế này với Điều lệ Tổng công ty về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ Tổng công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.
4. Các nội dung khác không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN



Bùi Thu Hà